

UBND HUYỆN CẦN GIỜ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 983/QĐ-GDDT

Cần Giờ, ngày 29 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao bổ sung dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN CẦN GIỜ

Căn cứ Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về thành lập Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện;

Căn cứ Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ;

Căn cứ Quyết định số 1432/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện về giao dự toán thu - chi ngân sách nhà nước các đơn vị hành chính sự nghiệp huyện năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện về điều chỉnh và giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước đơn vị hành chính sự nghiệp huyện năm 2023;

Căn cứ Thông báo số 4474/TB-TCKH ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện về thẩm tra điều chỉnh dự toán kinh phí sự nghiệp ngành giáo dục năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo Cần Giờ cụ thể như sau:

- Tiền miễn, giảm học phí HKI năm học 2023-2024: 442.920.000 đồng
- Tiền hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo HKI năm học 2023-2024: 458.880.000 đồng
- Tiền hỗ trợ chi phí học tập HKI năm học 2023-2024: 1.840.200.000 đồng
- Tiền ôn tập cho học sinh ôn thi lại năm học 2022-2023 và ôn tập tuyển sinh 10 năm học 2023-2024: 126.636.474 đồng

Tổng cộng: 2.868.636.474 đồng (Hai tỷ tám trăm sáu mươi tám triệu
sáu trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm bảy mươi bốn đồng)

(Đính kèm phụ lục)

Điều 2. Căn cứ dự toán bổ sung chi ngân sách nhà nước năm 2023 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính - Kế hoạch Cần Giờ;
- Kho bạc nhà nước Cần Giờ;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT, AT.

TRƯỞNG PHÒNG

Võ Thị Diễm Phượng

PHỤ LỤC SỐ 01

BẢNG ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Đính kèm Quyết định số 983/.../QĐ-GDDT ngày 29/.../2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

PHẦN CHI DO NSNN CẤP											GHI CHÚ
Chương loại, khoản.	NỘI DUNG	Tổng cộng	Kinh phí tự chủ			Kinh phí không tự chủ					
			Cộng	Mã nguồn 13	Mã nguồn 14	Cộng	Mã nguồn 15- Học phí, chi phí học tập, ăn trưa	Mã nguồn 15- Ôn tập tuyển sinh 10 và ôn thi lại	Mã nguồn 14		
622.070.071	Trường Mầm non Thanh An	44.200.000	0	0	0	44.200.000	44.200.000	0	0	0	
622.070.071	Trường Mầm non Cần Thạnh	27.400.000	0	0	0	27.400.000	27.400.000	0	0	0	
622.070.071	Trường Mầm non Cần Thạnh 2	34.120.000	0	0	0	34.120.000	34.120.000	0	0	0	
622.070.071	Trường Mầm non Long Hòa	41.240.000	0	0	0	41.240.000	41.240.000	0	0	0	
622.070.071	Trường Mầm non Đồng Tranh	21.960.000	0	0	0	21.960.000	21.960.000	0	0	0	
622.070.071	Trường Mầm non Dơi lâu	152.760.000	0	0	0	152.760.000	152.760.000	0	0	0	
622.070.071	Trường Mầm non Lý Nhơn	52.920.000	0	0	0	52.920.000	52.920.000	0	0	0	
622.070.071	Trường Mầm non An Thới Đông	130.760.000	0	0	0	130.760.000	130.760.000	0	0	0	
622.070.071	Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp	137.360.000	0	0	0	137.360.000	137.360.000	0	0	0	
622.070.071	Trường Mầm non Bình Khánh	232.840.000	0	0	0	232.840.000	232.840.000	0	0	0	
622.070.071	Trường Mầm non Bình An	136.160.000	0	0	0	136.160.000	136.160.000	0	0	0	
	Cộng 071	1.011.720.000	0	0	0	1.011.720.000	1.011.720.000	0	0	0	



Chương, loại, khoản.	Mã ĐVSDNS	NỘI DUNG	PHẦN CHI DO NSNN CẤP								GHI CHÚ
			Tổng cộng	Kinh phí tự chủ			Kinh phí không tự chủ				
				Cộng	Mã nguồn 13	Mã nguồn 14	Cộng	Mã nguồn 15- Học phí, chi phí học tập, ăn trưa	Mã nguồn 15- Ôn tập tuyển sinh 10 và ôn thi lại	Mã nguồn 14	
622.070.072	1036947	Trường Tiểu học Thạnh An	16.800.000	0	0	0	16.800.000	16.800.000	0	0	
622.070.072	1035517	Trường Tiểu học Cần Thạnh	20.400.000	0	0	0	20.400.000	20.400.000	0	0	
622.070.072	1127076	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	20.400.000	0	0	0	20.400.000	20.400.000	0	0	
622.070.072	1035485	Trường Tiểu học Hòa Hiệp	37.800.000	0	0	0	37.800.000	37.800.000	0	0	
622.070.072	1035486	Trường Tiểu học Long Thạnh	14.400.000	0	0	0	14.400.000	14.400.000	0	0	
622.070.072	1035438	Trường Tiểu học Đồng Hòa	15.000.000	0	0	0	15.000.000	15.000.000	0	0	
622.070.072	1035429	Trường Tiểu học Dơi Lầu	40.200.000	0	0	0	40.200.000	40.200.000	0	0	
622.070.072	1035436	Trường Tiểu học Vàm Sát	11.400.000	0	0	0	11.400.000	11.400.000	0	0	
622.070.072	1035491	Trường Tiểu học Lý Nhơn	19.200.000	0	0	0	19.200.000	19.200.000	0	0	
622.070.072	1035564	Trường Tiểu học An Thới Đông	99.000.000	0	0	0	99.000.000	99.000.000	0	0	
622.070.072	1035435	Trường Tiểu học An Nghĩa	60.000.000	0	0	0	60.000.000	60.000.000	0	0	
622.070.072	1035492	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	106.800.000	0	0	0	106.800.000	106.800.000	0	0	
622.070.072	1035484	Trường Tiểu học Bình Thạnh	33.600.000	0	0	0	33.600.000	33.600.000	0	0	
622.070.072	1035434	Trường Tiểu học Bình Phước	123.000.000	0	0	0	123.000.000	123.000.000	0	0	

PHẦN CHI DO NSNN CẤP

PHẦN CHI DO NSNN CẤP											
Chương, loại, khoản.	Mã ĐVSĐNS	NỘI DUNG	Tổng cộng	Kinh phí tự chủ			Kinh phí không tự chủ				GHI CHÚ
				Cộng	Mã nguồn 13	Mã nguồn 14	Cộng	Mã nguồn 15- Học phí, chi phí học tập, ăn trưa	Mã nguồn 15- Ôn tập tuyển sinh 10 và ôn thi lại	Mã nguồn 14	
622.070.072	1035519	Trường Tiểu học Bình Khánh	144.000.000	0	0	0	144.000.000	144.000.000	0	0	
622.070.072	1035439	Trường Tiểu học Bình Mỹ	41.400.000	0	0	0	41.400.000	41.400.000	0	0	
		Cộng 072	803.400.000	0	0	0	803.400.000	803.400.000	0	0	
622.070.073	1035431	Trường THCS Cần Thạnh	66.955.704	0	0	0	66.955.704	57.780.000	9.175.704	0	
622.070.073	1035518	Trường THCS Long Hòa	84.480.000	0	0	0	84.480.000	84.480.000	0	0	
622.070.073	1030029	Trường THCS Dơi Lầu	75.811.680	0	0	0	75.811.680	66.780.000	9.031.680	0	
622.070.073	1035493	Trường THCS Lý Nhơn	29.147.836	0	0	0	29.147.836	26.280.000	2.867.836	0	
622.070.073	1035516	Trường THCS An Thới Đông	212.053.913	0	0	0	212.053.913	181.500.000	30.553.913	0	
622.070.073	1035495	Trường THCS Tam Thôn Hiệp	123.703.200	0	0	0	123.703.200	108.180.000	15.523.200	0	
622.070.073	1035430	Trường THCS Bình Khánh	461.364.141	0	0	0	461.364.141	401.880.000	59.484.141	0	
		Cộng 073	1.053.516.474	0	0	0	1.053.516.474	926.880.000	126.636.474		
		Tổng cộng	2.868.636.474	0	0	0	2.868.636.474	2.742.000.000	126.636.474	0	0





PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON THANH AN
Mã số ĐVSDNS: 1035487

(Kèm theo Quyết 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn	NỘI DUNG	Tổng số	Ghi chú
		II- Dự toán chi NSNN	44.200.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	44.200.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	44.200.000	Hỗ trợ học phí, chi phí học tập, ăn trưa HKI 2023-2024
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON CẦN THẠNH
Mã số ĐVSDNS: 1035515

(Kèm theo Quyết định 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn	NỘI DUNG	Tổng số	Ghi chú
		II- Dự toán chi NSNN	27.400.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	27.400.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	27.400.000	Hỗ trợ học phí, chi phí học tập, ăn trưa HKI 2023-2024
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON CẦN THẠNH 2

Mã số ĐVSDNS: 1035513

(Kèm theo Quyết 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	34.120.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	34.120.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	34.120.000	Hỗ trợ học phí, chi phí học tập, ăn trưa HKI 2023-2024
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON LONG HÒA
Mã số ĐVSDNS: 1035437

(Kèm theo Quyết 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	41.240.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	41.240.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	41.240.000	Hỗ trợ học phí, chi phí học tập, ăn trưa HKI 2023-2024
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON ĐỒNG TRANH
Mã số ĐVSDNS: 1124815

(Kèm theo Quyết 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	21.960.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	21.960.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	21.960.000	Hỗ trợ học phí, chi phí học tập, ăn trưa HKI 2023-2024
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON ĐOI LẦU

Mã số ĐVSDNS: 1110159

(Kèm theo Quyết 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	152.760.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	152.760.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	152.760.000	Hỗ trợ học phí, chi phí học tập, ăn trưa HKI 2023-2024
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON LÝ NHƠN

Mã số ĐVSDNS: 1035489

(Kèm theo Quyết 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		II- Dự toán chi NSNN	52.920.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	52.920.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	52.920.000	Hỗ trợ học phí, chi phí học tập, ăn trưa HKI 2023-2024
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON AN THỚI ĐÔNG
Mã số ĐVSDNS: 1036948

(Kèm theo Quyết 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	130.760.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	130.760.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	130.760.000	Hỗ trợ học phí, chi phí học tập, ăn trưa HKI 2023-2024
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON TAM THÔN HIỆP

Mã số ĐVSDNS: 1035490

(Kèm theo Quyết 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giò)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	137.360.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	137.360.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	137.360.000	Hỗ trợ học phí, chi phí học tập, ăn trưa HKI 2023-2024
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON BÌNH KHÁNH
Mã số ĐVSDNS: 1035510

(Kèm theo Quyết 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	232.840.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	232.840.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	232.840.000	Hỗ trợ học phí, chi phí học tập, ăn trưa HKI 2023-2024
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON BÌNH AN

Mã số ĐVSDNS: 1110357

(Kèm theo Quyết 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	136.160.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	136.160.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	136.160.000	Hỗ trợ học phí, chi phí học tập, ăn trưa HKI 2023-2024
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC THANH AN
Mã số ĐVSDNS: 1036947

(Kèm theo Quyết định 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		II- Dự toán chi NSNN	16.800.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	16.800.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	16.800.000	Hỗ trợ chi phí học tập HKI 2023-2024
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC CẦN THẠNH
Mã số ĐVSDNS: 1035517

(Kèm theo Quyết 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	20.400.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	20.400.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	20.400.000	Hỗ trợ chi phí học tập HKI 2023-2024
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC CẦN THẠNH 2
Mã số ĐVSDNS: 1127076

(Kèm theo Quyết 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	20.400.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	20.400.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	20.400.000	Hỗ trợ chi phí học tập HKI 2023-2024
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC HÒA HIỆP

Mã số ĐVSDNS: 1035485

(Kèm theo Quyết 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		II- Dự toán chi NSNN	37.800.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	37.800.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	37.800.000	Hỗ trợ chi phí học tập HKI 2023-2024
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		

PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC LONG THẠNH

Mã số ĐVSDNS: 1035486

(Kèm theo Quyết 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	14.400.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	14.400.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	14.400.000	Hỗ trợ chi phí học tập HKI 2023-2024
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐỒNG HÒA

Mã số ĐVSDNS: 1035438

(Kèm theo Quyết 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	15.000.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	15.000.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	15.000.000	Hỗ trợ chi phí học tập HKI 2023-2024
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐOI LẦU
Mã số ĐVSDNS: 1035429

(Kèm theo Quyết. 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		II- Dự toán chi NSNN	40.200.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	40.200.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	40.200.000	Hỗ trợ chi phí học tập HKI 2023-2024
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀM SÁT
Mã số ĐVSDNS: 1035436

(Kèm theo Quyết 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	11.400.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	11.400.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	11.400.000	Hỗ trợ chi phí học tập HKI 2023-2024
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ NHƠN
Mã số ĐVSDNS: 1035491

(Kèm theo Quyết 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	19.200.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	19.200.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	19.200.000	Hỗ trợ chi phí học tập HKI 2023-2024
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THỚI ĐÔNG
Mã số ĐVSDNS: 1035564

(Kèm theo Quyết định 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	99.000.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	99.000.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	99.000.000	Hỗ trợ chi phí học tập HKI 2023-2024
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC AN NGHĨA

Mã số ĐVSDNS: 1035435

(Kèm theo Quyết 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	60.000.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	60.000.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	60.000.000	Hỗ trợ chi phí học tập HKI 2023-2024
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC TAM THÔN HIỆP
Mã số ĐVSDNS: 1035492

(Kèm theo Quyết định 983/QĐ-GDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	106.800.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	106.800.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	106.800.000	Hỗ trợ chi phí học tập HKI
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		2023-2024



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC BÌNH THẠNH
Mã số ĐVSDNS: 1035484

(Kèm theo Quyết 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	33.600.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	33.600.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	33.600.000	Hỗ trợ chi phí học tập HKI 2023-2024
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC BÌNH PHƯỚC
Mã số ĐVSDNS: 1035434

(Kèm theo Quyết 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	123.000.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	123.000.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	123.000.000	Hỗ trợ chi phí học tập HKI 2023-2024
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC BÌNH KHÁNH

Mã số ĐVSDNS: 1035519

(Kèm theo Quyết 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	144.000.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	144.000.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	144.000.000	Hỗ trợ chi phí học tập HKI 2023-2024
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC BÌNH MỸ
Mã số ĐVSDNS: 1035439

(Kèm theo Quyết 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		II- Dự toán chi NSNN	41.400.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	41.400.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	41.400.000	Hỗ trợ chi phí học tập HKI 2023-2024
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: TRƯỜNG THCS CẦN THẠNH

Mã số ĐVSDNS: 1035431

(Kèm theo Quyết 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	66.955.704	
622.070.073	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	66.955.704	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	66.955.704	Hỗ trợ học phí, chi phí học tập HKI 2023-2024; kinh phí ôn thi lại và ôn tập tuyển sinh 10
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG THCS LONG HÒA
Mã số ĐVSDNS: 1035518

(Kèm theo Quyết 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)
Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	84.480.000	
622.070.073	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	84.480.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	84.480.000	Hỗ trợ học phí, chi phí học tập HKI 2023-2024
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG THCS ĐOI LẦU
Mã số ĐVSDNS: 1030029

(Kèm theo Quyết 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	75.811.680	
622.070.073	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	75.811.680	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	75.811.680	HKI 2023-2024; kinh phí ôn
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		thi lại và ôn tập tuyển sinh 10



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG THCS LÝ NHƠN
Mã số ĐVSDNS: 1035493

(Kèm theo Quyết 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	29.147.836	
622.070.073	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	29.147.836	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	29.147.836	tập HKI 2023-2024; kinh phí
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		ôn thi lại và ôn tập tuyển sinh



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG THCS AN THỚI ĐÔNG
Mã số ĐVSDNS: 1035516

(Kèm theo Quyết 983/QĐ-GDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	212.053.913	
622.070.073	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	212.053.913	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	212.053.913	tập HKI 2023-2024; kinh phí ôn thi lại và ôn tập tuyển sinh
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: TRƯỜNG THCS TAM THÔN HIỆP

Mã số ĐVSDNS: 1035495

(Kèm theo Quyết định 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	123.703.200	
622.070.073	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	123.703.200	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	123.703.200	HKI 2023-2024; kinh phí ôn thi lại và ôn tập tuyển sinh 10
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG THCS BÌNH KHÁNH
Mã số ĐVSDNS: 1035430

(Kèm theo Quyết 983/QĐ-GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	461.364.141	
622.070.073	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	461.364.141	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	461.364.141	tập HKI 2023-2024; kinh phí ôn thi lại và ôn tập tuyển sinh
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		

